

## TÌM HIỂU VỀ SINH KẾ CỦA NGƯỜI THÁI TÁI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN SƠN LA

PHẠM QUANG LINH

### **Đặt vấn đề**

Thủy điện Sơn La là một công trình trọng điểm đa mục tiêu có quy mô lớn và đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam. Theo tính toán của các cơ quan chức năng, số dân phải di dời bởi dự án thủy điện Sơn La lên đến 19.000 hộ với hơn 90.000 nhân khẩu. Trong đó, chỉ riêng tỉnh Sơn La đã có khoảng 13.000 hộ, 60.000 khẩu (chiếm tới 66%) phải di chuyển. Đặc biệt, trong số hơn 9 vạn dân phải tái định cư (TĐC) thủy điện Sơn La, người Thái chiếm gần 80%.

Người Thái TĐC thủy điện Sơn La được bố trí ở cả hai hình thức: di vén lên cao và di tới nơi ở mới dưới dạng xen ghép hoặc tập trung. Song, dù TĐC theo hình thức nào, họ vẫn phải đối mặt với rất nhiều thách thức trong hoạt động sinh kế để đảm bảo đời sống kinh tế bởi với mỗi hình thức TĐC, người dân vẫn luôn gặp phải những khó khăn đặc thù.

TĐC và ổn định sinh kế là hai vấn đề luôn gắn liền với nhau và đều mang tính nhạy cảm. Hơn nữa, những vấn đề này lại liên quan tới các tộc người thiểu số đã từ lâu đời sinh sống tại nơi sẽ phải di dời. Do đó, mục tiêu hàng đầu của dự án thủy điện Sơn La khi triển khai hoạt động TĐC là: “giúp người dân có cuộc sống tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ”. Dựa vào mục tiêu ấy, Đảng và

Nhà nước đã xây dựng và đưa ra rất nhiều chính sách hỗ trợ linh hoạt nhằm giúp người dân TĐC đảm bảo cuộc sống tại nơi ở mới. Tuy nhiên, với số lượng di dân khổng lồ như đã nêu, thật khó để các chính sách này phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của toàn bộ các cộng đồng TĐC.

Để có một cái nhìn khách quan và toàn diện về vấn đề TĐC thủy điện Sơn La, chúng tôi đã tiến hành điều tra nghiên cứu tại ba huyện của tỉnh Sơn La là Mộc Châu, Thuận Châu và Quỳnh Nhai vào những thời điểm khác nhau nhằm tìm hiểu các loại hình TĐC cũng như hoạt động sinh kế của người Thái trên những loại hình TĐC này. Trong đó, đối tượng nghiên cứu ở huyện Quỳnh Nhai chủ yếu là những người di vén lên cao, còn ở huyện Mộc Châu và Thuận Châu thì tập trung khảo sát bộ phận người dân di tới nơi ở mới.

### **1. Trông trọt**

#### **1.1. Canh tác ruộng**

Canh tác ruộng nước là phương thức hoạt động chủ yếu và lâu đời của người Thái ở vùng thung lũng chân núi lòng hồ thủy điện Sơn La. Với đặc điểm cư trú theo hướng “son châu, thủy tụ”, phía trước mỗi bản làng thường là nơi hội tụ của các con sông suối nên người Thái đã tận dụng tốt những lợi thế này để phát triển mạnh mẽ

nghề trồng lúa nước, tạo ra những cánh đồng lúa nổi tiếng ở miền Bắc. Đó là cánh đồng Mường Thanh ở Điện Biên, cánh đồng Mường Lò ở Yên Bái, cánh đồng Mường Than ở Lai Châu, cánh đồng Mường Tấc ở Sơn La... Vì thế, văn hóa lúa nước đã trở thành niềm tự hào của dân tộc Thái. Những nơi đất bằng hoặc thoải thoai nhưng có đủ nước tưới đều được người Thái khai khẩn thành ruộng đồng, kể cả nơi đất dốc cũng được họ cải tạo thành ruộng bậc thang. Bên cạnh đó, người Thái còn không ngừng khai phá đất bồi ven sông suối thành những cánh đồng hai vụ lúa.

Trong bối cảnh TĐC hiện nay, đối với người dân Thái di ven ở huyện Quỳnh Nhai, lúa nước vẫn là cây trồng chủ lực. Tuy nhiên, từ khi hồ thủy điện Sơn La tích nước, diện tích đất trồng lúa của họ đã giảm đi đáng kể do bị ngập dưới lòng hồ. Riêng những người Thái được TĐC xen ghép và di chuyển tập trung, theo Quyết định số 459/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành về chính sách bồi thường di dân TĐC Dự án Thủy điện Sơn La thì mỗi hộ dân được cấp từ 200 đến 400m<sup>2</sup> đất ở và 1ha đất sản xuất (được triển khai cụ thể theo tình hình quỹ đất của địa phương). Song, nghiên cứu cho thấy, tổng diện tích đất sản xuất ấy chỉ bằng 1/3 đến 1/5 diện tích đất trồng lúa nước trước đây của các hộ. Theo kết quả điều tra phiếu tại bản TĐC Bó Phúc thuộc huyện Thuận Châu, 100% các hộ trước đây đều canh tác ruộng nước, với diện tích canh tác trung bình của mỗi hộ là 3.411m<sup>2</sup>: hộ ít ruộng nhất có khoảng 1.500m<sup>2</sup>, hộ nhiều ruộng có tới 5.500m<sup>2</sup>. Sản lượng trung bình mỗi hộ thu hoạch được hàng năm khoảng 2.135kg, nhưng đồng bào không bán mà giữ

lại để ăn. Còn hiện nay, cả bản TĐC chỉ có 1,77ha đất ruộng. Chẳng hạn như bản TĐC Nong Bồng (Thuận Châu), mỗi nhân khẩu chỉ được 92m<sup>2</sup> đất ruộng. Do quá ít ruộng nên người dân TĐC vẫn chưa tập trung canh tác tại nơi ở mới mà quay trở lại nơi ở cũ. Trong khi đó, tại các bản TĐC ở xã Tân Lập hầu hết các hộ đều không còn trồng lúa nước do nguồn nước cung cấp cho nông nghiệp hạn chế và diện tích đất đai hạn hẹp. Trong khi đó, người dân TĐC ở Tân Lập trước đây đa số đều làm ruộng nước. Vì vậy, theo kết quả điều tra, trong cơ cấu thu nhập lương thực của các hộ dân người Thái trước khi TĐC, sản lượng lúa (lúa cạn và lúa nước) chiếm vị trí hàng đầu (từ 30 đến 80%), còn hiện nay thì giảm đi rất nhiều.

### **1.2. Canh tác nương rẫy**

Ruộng nước đối với người Thái tuy giữ vai trò chủ đạo như vừa kể trên nhưng người Thái vẫn không thể bỏ canh tác trên nương rẫy. Trước khi di chuyển đến nơi TĐC, hoạt động kinh tế của người Thái ở vùng lòng hồ thủy điện Sơn La vẫn chủ yếu theo hình thức tự cung tự cấp. Điều này khiến họ phải duy trì nhiều loại hình canh tác để có thể sản xuất đủ các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu về lương thực, rau cỏ và nguyên liệu cho nhiều nghề thủ công.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với hầu hết người dân TĐC hiện nay, canh tác nương rẫy để gieo trồng lúa, ngô, sắn... là nguồn lương thực chính của họ. Tuy nhiên, việc trồng trọt các loại cây này cũng có những khác biệt so với trước. Tại các bản TĐC ở xã Tân Lập, đất nương được tận dụng một cách triệt để. Chẳng hạn như bản Nậm Tôm, người dân trồng xen canh gối vụ,

hết trồng lúa lại trồng khoai nên đất không còn thời gian hồi phục, làm cho chất lượng đất ngày càng suy giảm. Trong khi đó, tại nơi ở cũ, do diện tích đất rộng nên họ gieo trồng trên mảnh đất chỉ từ 3 đến 5 năm, mỗi năm 1 vụ, rồi bỏ hóa vài năm mới quay lại canh tác. Thời gian đất bỏ hóa cũng chính là giai đoạn tạo ra độ phì và thổ nhưỡng, làm cho đất được hồi phục dưới tác động tự nhiên. Điểm khác biệt lớn nhất trong quá trình canh tác nương rẫy của người Thái trước kia so với nơi TĐC hiện nay là họ đã có sự thay đổi lớn về sự lựa chọn giống cây và cách thức chăm sóc, bón phân cho cây trồng. Do trước kia đất đai khá rộng và màu mỡ nên người Thái ít khi dùng phân bón; nếu có, họ chỉ dùng phân chuồng. Còn hiện nay, đa số người dân TĐC đều sử dụng phân bón hóa học trong trồng trọt. Tại nơi ở cũ, đồng bào hầu như không phải cuốc đất trước khi gieo trồng, nhưng ở nơi TĐC hiện nay, do đất quá bạc màu nên họ không thể bỏ qua công đoạn này để khi bón phân, đất có thể hấp thụ các chất dinh dưỡng. Họ đã không còn trồng một loại giống cây truyền thống, mà chỉ trồng giống mới của Nhà nước.

Điều đáng nói là tại nơi TĐC diện tích nương giảm mạnh, chất đất kém màu mỡ đã dẫn đến năng suất cây trồng và thu nhập của người dân suy giảm một cách rõ rệt. Nếu như người dân TĐC tại Bó Phúc (Thuận Châu) trước kia đạt sản lượng lúa nương trung bình 1.800kg/hộ/năm, giúp một số hộ có dư thừa lúa để bán, thu về từ 2 đến 10 triệu/năm (trung bình 5,6 triệu/năm) thì hiện nay, không còn hộ nào ở đây có nguồn thu từ lúa nương. Thậm chí, người dân ở bản TĐC Huổi Pản (Thuận Châu) còn không

thể trồng lúa nương mà chỉ trồng ngô nương do đất nhiều lau lách, gây khó khăn trong việc làm cỏ, không đảm bảo cho năng suất vụ mùa. Hoặc như bản Pá Chập (Thuận Châu), trước đây 100% người dân chỉ trồng lúa nước nên việc phải chuyển sang trồng lúa nương, ngô, sản đối với họ là một công việc hoàn toàn mới mẻ và khá khó khăn.

Ngô là cây trồng chủ đạo của một số bản người dân TĐC huyện Thuận Châu. Tuy nhiên, sản lượng ngô hiện nay chỉ bằng 1/3, thậm chí bằng 1/10 so với trước đây. Vì vậy, thu nhập của người dân từ ngô cũng giảm đáng kể, chỉ còn từ 1/3 tới 1/6 so với thu nhập trước kia. Khi được hỏi, đa phần các hộ dân đều cùng chung câu trả lời là sản phẩm ngô thu hoạch được hiện nay chỉ đủ cho gia đình sử dụng. Các giống ngô truyền thống của người Thái cũng không được người dân ở đây sử dụng nữa, họ phải mua các giống ngô mới của Nhà nước như Lai 10, 888, K58... Phân bón hóa học cũng đã được đồng bào áp dụng vào quá trình chăm sóc để tăng năng suất cây trồng. Song, đồng bào vẫn chưa tự xác định được đất trồng của mình thiếu chất gì và cần phải bón loại phân nào, mà vẫn chủ yếu dựa vào cán bộ khuyến nông.

### *1.3. Các loại cây ăn quả*

Trước đây, với diện tích đất tại nơi ở cũ khá rộng, nguồn thu từ cây ăn quả đã đóng góp không nhỏ vào kinh tế của người dân. Có tới 100% người dân tại bản Huổi Pản và Bó Phúc (Thuận Châu) trước khi chuyển đến nơi TĐC đều có diện tích đất đáng kể để trồng cây ăn quả. Thời đó, trung bình mỗi hộ dân có khoảng 3.220m<sup>2</sup> đất trồng cây. Tuy nhiên, với tổng diện tích

được đền bù gồm cả đất ở và đất vườn chỉ từ 200 đến 400m<sup>2</sup> thì hiện nay hầu hết mọi người dân Thái ở các điểm TĐC đều không có vườn cây ăn quả. Vì vậy, nếu như tại nơi ở cũ trước kia, sản lượng cây ăn quả của người dân Thái có thể lên đến hàng tấn - hoa quả không chỉ được họ dùng để ăn và làm quà biếu mà còn đem buôn bán kiếm thêm thu nhập lên đến hàng triệu đồng/năm thì hiện nay, người dân Thái TĐC hầu như không có thu hoạch từ trái cây.

#### **1.4. Các loại cây công nghiệp**

Theo ý kiến của các nhà chuyên môn và quản lý, muốn đảm bảo nguồn thu cho người dân TĐC cần ưu tiên trồng các loại cây công nghiệp có giá trị hàng hóa và phù hợp với đất đai, khí hậu tại nơi TĐC. Trên cơ sở đó, cơ cấu kinh tế được thay đổi, thay vì tập trung vào việc gieo trồng các loại cây lương thực như trước kia, nay người dân TĐC đã chuyển sang sản xuất các loại cây công nghiệp.

Tại các điểm TĐC thuộc xã Tân Lập (Mộc Châu), các giống cây bông, đậu tương... không còn được gieo trồng nữa mà thay vào đó người dân chỉ trồng các loại cây phục vụ nhu cầu lương thực như lúa, ngô... Những giống cây như bông, đậu tương, đỗ xanh trước đây khá phát triển do thích hợp với khí hậu nóng và ẩm, nhưng khi lên Tân Lập đều không thích hợp bởi sự khắc nghiệt của thời tiết lạnh lẽo nơi đây. Thay vào đó, người dân được hướng dẫn trồng những giống cây mới phù hợp với khí hậu như đào Pháp.

Tại Thuận Châu, người dân TĐC trước đây sống ở Mường La và Quỳnh Nhai, đều là những nơi có khí hậu nóng, thổ nhưỡng

tại đây không thích hợp cho việc trồng các loại cây công nghiệp như chè, cà phê, cao su. Tuy nhiên, tại nơi ở mới, với địa hình cao và khí hậu mát mẻ hơn, lại có đủ điều kiện để phát triển các loại cây công nghiệp này. Người dân TĐC ở xã Chiềng Pha và Tông Cọ đang được hướng dẫn bước đầu về kỹ thuật trồng chè. Còn người dân TĐC tại hai bản Pú Bâu và Nà Cưa thuộc xã Chiềng Ngâm đã triển khai trồng cây cao su từ năm 2009 theo chủ trương phát triển cây cao su của tỉnh.

## **2. Chăn nuôi**

### **2.1. Chăn nuôi gia súc**

Chăn nuôi gắn với trồng trọt là đặc trưng nổi bật trong văn hóa sinh kế của các tộc người thiểu số ở nước ta, trong đó các con vật nuôi quen thuộc là trâu, bò, lợn, gà, vịt... Do chủ yếu canh tác ruộng nước nên trâu được nuôi phổ biến trong tất cả các hộ gia đình người Thái, với phương thức chăn nuôi trâu theo tập quán nửa chăm sóc, nửa thả rông. Tại nơi ở cũ, người dân Thái TĐC sống gần sông suối, có nhiều bãi cỏ và đầm lầy nên trâu thường được thả rông hoặc chăn dắt để trâu ăn cỏ ven rừng hay ven suối quanh bản, ít khi cắt cỏ.

Theo kết quả điều tra người dân TĐC ở xã Tân Lập (Mộc Châu), 100% các hộ gia đình trước đây đều nuôi trâu, bò. Nuôi trâu chủ yếu để kéo cày, bừa trong các khâu làm đất hoặc lấy thịt. Trung bình mỗi hộ nuôi từ 1 đến 2 con trâu. Bò được nuôi nhiều hơn, hộ ít nhất có 1 - 2 con, có hộ nuôi từ 25 đến 30 con, thậm chí một số hộ nuôi 40 - 50 con.

Tuy nhiên, khi đến nơi ở mới TĐC, số lượng trâu bò của người Thái đã giảm đi rõ

rệt. Chỉ các hộ dân Thái TĐC ở Thuận Châu có điều kiện nuôi 1 - 2 con trâu, còn người dân TĐC xã Tân Lập (Mộc Châu) đã không nuôi những giống trâu, bò vốn phát triển mạnh tại nơi ở cũ. Do Mộc Châu có khí hậu lạnh, khác biệt hoàn toàn so với khí hậu nóng ẩm tại nơi ở cũ nên không thể nuôi được giống trâu, bò cổ truyền. Thay vào đó, Nhà nước đã đầu tư dự án cho người dân TĐC nuôi các giống bò mới, chẳng hạn như bò Laisin của Úc, có khả năng chịu lạnh, sinh sản tốt, cho năng suất thịt và sữa cao (20kg sữa/ngày/con). Nhằm giúp người dân chăn nuôi đạt hiệu quả cao, dự án đã tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cách chăn nuôi bò, xây dựng các khu trồng cỏ riêng để từng bước phát triển đàn bò. Riêng đối với lợn, hơn 90% số hộ TĐC tại xã Tân Lập đã không còn nuôi lợn, do gặp khó khăn trong chăn nuôi và chăm sóc.

### **2.2. Chăn nuôi gia cầm**

Cũng như các tộc người láng giềng, người Thái thường nuôi gia cầm với số lượng lớn, nhưng chủ yếu để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của gia đình. Phương thức nuôi vẫn theo tập quán tận dụng diện tích đất rộng, chăn thả tự nhiên. Đàn gà, vịt, ngan thường chỉ cho ăn bữa sáng rồi thả rông để chúng tự kiếm ăn. Trước đây, khi còn ở nơi cũ, nhiều người dân Thái TĐC nuôi tới hàng trăm con gà, vịt... Tuy nhiên, tại nơi TĐC, các hộ dân chỉ còn nuôi gia cầm với số lượng rất ít, chủ yếu nuôi trong vườn nhà. Thậm chí, nhiều hộ dân ở bản TĐC Nậm Tôm (Mộc Châu) đã không thể phát triển chăn nuôi gia cầm, bởi lẽ giống vật nuôi ấy được họ mang từ quê cũ đến nơi TĐC đã không thích nghi được khí hậu lạnh và đều

bị chết sau đó ít lâu. Như vậy, một nguồn thu không nhỏ từ chăn nuôi của người dân TĐC đã bị mất đi.

### **2.3. Nuôi cá**

Hầu hết người dân Thái TĐC trước đây đều sống ở ven sông Đà. Do đó, nuôi cá là hoạt động sinh kế phổ biến đem lại nguồn thu lớn cho họ. Đồng bào nuôi cá ở ruộng và ao, với các loại giống như cá chép, cá trắm, cá trê... Bởi vậy, cá là nguồn thực phẩm thường xuyên trong mỗi gia đình người Thái.

Hiện nay, chỉ những hộ dân TĐC di vén ở huyện Quỳnh Nhai còn giữ được nghề nuôi cá do nơi họ sinh sống vẫn quanh sông Đà với nguồn nước dồi dào. Tuy vậy, một số tri thức địa phương về nuôi cá đã thay đổi do mực nước, chế độ nước đã không còn như trước kia.

Với những hộ TĐC tại Tân Lập (Mộc Châu), do điều kiện tự nhiên của xã rất ít sông suối, ao, hồ nên hoạt động nuôi cá ở đây gần như không có. Tình trạng tương tự cũng xảy ra ở các điểm TĐC trên địa bàn huyện Thuận Châu, do diện tích đất nuôi trồng thủy sản rất hạn chế. Một số khu TĐC như Tông Lạnh, Bon Phặng, Chiềng Ngâm, Tông Cọ, Bó Mười (Thuận Châu) thậm chí không có diện tích nuôi trồng thủy sản cho người dân. Tính cả 10 khu TĐC ở huyện Thuận Châu, một số người dân có trung bình 18m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản, trong đó 4/10 khu không có sông, suối chảy qua. Việc không thuận lợi về nguồn nước khiến hoạt động nuôi cá trở nên vô cùng khó khăn. Tại điểm TĐC Huổi Pản (Thuận Châu), bình quân mỗi nhân khẩu được chia 10m<sup>2</sup> đất ao hồ. Con số này ở bản Bó Phúc (Thuận Châu)

là 12,9m<sup>2</sup>. Chính vì diện tích đất ao hồ quá nhỏ hẹp, lại bị chia tách một cách phân tán nên tất cả các hộ TĐC ở hai điểm TĐC trên đều không có thu nhập từ cá.

### **3. Săn bắn, hái lượm và đánh bắt thủy sản**

#### **3.1. Săn bắn**

Đối với sinh kế truyền thống của người Thái vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, săn bắn là một hoạt động không thể thiếu nhằm đảm bảo một phần nhu cầu thực phẩm. Việc săn bắn trước đây khá dễ dàng khi người dân sinh sống gần những khu rừng um tùm, rậm rạp.

Theo lời kể của nhiều người già ở bản TĐC Huổi Pản (Thuận Châu), trước đây người dân cả bản, từ thanh niên đến trung niên, nếu có khả năng đều có thể đi săn bắn. Từ sáng sớm họ làm ruộng tới khoảng 2 - 3 giờ chiều mới bắt đầu vào rừng săn bắn và đến chiều tối thì trở về nhà. Tại nơi ở cũ, do nhiều chim thú nên đã giúp họ cải thiện một phần thực phẩm cho bữa ăn hàng ngày. Thời đó, người dân Thái có thể đi săn riêng lẻ hoặc săn theo nhóm. Nếu đi săn riêng lẻ, họ thường bắn được các con vật nhỏ như chim, gà rừng, sóc... Nếu đi săn thành đoàn thì ưu tiên đối với các loại thú lớn như nai, hoẵng, lợn rừng... Trước kia, mỗi mùa người dân thường đi săn một loại thú, trong đó tập trung nhiều vào mùa xuân khi các loài thú bắt đầu sinh sản và phát triển mạnh. Tuy nhiên, họ không bao giờ săn những con thú còn quá bé mà chỉ săn bắn những con trưởng thành. Ngoài cách săn bằng súng hoặc nỏ, người Thái ở đây còn biết đặt các loại bẫy như bẫy chông, bẫy sập... Họ dựa vào kinh nghiệm săn bắn đúc kết được

truyền qua nhiều đời để nhận biết đường đi và dấu chân của từng loại thú, từ đó cách đặt bẫy rất có hiệu quả.

Tại nơi ở mới hiện nay, người dân Thái các bản Huổi Pản, Bó Phúc, Pá Chập (Thuận Châu) đều không còn duy trì tập quán săn bắn. Các dụng cụ săn bắn như súng, nỏ... không được chính quyền cho phép sử dụng. Người dân TĐC cũng không vào rừng đặt bẫy chim hay bẫy thú vì rừng quá nghèo nàn, hầu như không có chim thú.

#### **3.2. Hái lượm**

Giống như nhiều tộc người thiểu số ở miền núi, hái lượm là hoạt động sinh kế quan trọng đối với người Thái, góp phần không nhỏ vào việc đảm bảo nguồn thực phẩm. Đối tượng hái lượm là các loại lá, rễ cây, vỏ cây, hoa quả, củ, măng, nấm, mộc nhĩ... kể cả các loại thuốc lá chữa bệnh.

Người Thái thực hiện các công việc hái lượm thường xuyên và quanh năm, theo dạng mùa nào thức ấy. Vào mùa xuân - hè, họ kiếm các loại rau, măng, nấm, mộc nhĩ... Trong mùa thu - đông, họ tìm hái các loại củ quả. Có thể kể lịch hái lượm đối với một số loại sản phẩm như: măng vầu thu hái vào tháng 2, 3; măng tre, nứa thu hái vào tháng 6, 7, 8; rau ngót hái từ tháng 4 đến tháng 6; rau má vào khoảng tháng 2 đến tháng 4; quả dâu da, vải rừng hái từ tháng 4 đến tháng 7... Hái lượm cũng bao gồm việc bắt tôm, cua, ếch, nhái, tép, côn trùng... ở các vũng nước hoặc sông suối quanh bản làng.

Trước đây, người dân TĐC của bản TĐC Bó Phúc và Huổi Pản (Thuận Châu) vẫn vào rừng hàng ngày, tìm các loại rau bươm, rau ban, măng tre, măng nứa, nấm... mang về cải thiện bữa ăn. Nguồn rau và nấm

tại nơi ở cũ được người dân đánh giá là dồi dào và tìm kiếm khá dễ dàng. Còn hiện nay, tại nơi ở mới, họ vẫn vào rừng hái lượm, song sản phẩm thu hoạch được hầu như không đáng kể do đa số diện tích là rừng phục hồi trên núi đá và đất trống, cây gỗ rải rác không xum xuê, rậm rạp.

### 3.3. Đánh bắt thủy sản

Với người Thái vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, từ nhiều đời nay sông Đà là nguồn lợi thủy sản vô tận. Do đó, đánh bắt thủy sản là một trong những hoạt động sinh kế truyền thống vô cùng quan trọng và gần như ngang hàng với trồng trọt.

Theo tập quán, người Thái đánh bắt thủy sản dưới hai hình thức: theo cá nhân và theo tập thể. Nếu đánh bắt theo cá nhân, họ có thể dùng chài, vó, lưới, bẫy... Với hình thức đánh bắt theo tập thể, người Thái tiến hành đắp đập ngăn cả dòng suối hay một nhánh sông để cho nước chảy theo dòng khác, khiến một đoạn sông, suối bị cạn. Sau đó, tất cả mọi người cùng nhau dùng vợt, vó, chài, lưới... để đánh bắt cá.

Theo kết quả điều tra, trước đây khi còn sống tại nơi ở cũ, 100% hộ dân Thái ở bản TĐC Huổi Pản (Thuận Châu) đã tham gia đánh bắt cá và coi đây là một trong những nguồn thu chính của gia đình. Trong thời ấy, thu nhập trung bình hàng năm từ đánh bắt cá của mỗi hộ gia đình đạt 9,4 triệu đồng. Hộ thấp nhất thu được 600.000 đồng, trong khi hộ thu nhập cao nhất lên tới 20 triệu đồng.

Khi TĐC, ngoài các hộ dân di vén ở Quỳnh Nhai, nghề đánh bắt cá đã gần như biến mất ở hầu hết các điểm TĐC trên địa bàn huyện Mộc Châu và Thuận Châu. Nguyên nhân do những điểm TĐC ấy đều

cách xa sông suối hoặc nếu có thì chỉ gần những con suối nhỏ, không có giá trị thủy sản lớn. Những điểm cư trú thuận lợi (như đất đai màu mỡ, gần sông suối, nhiều rừng...) hầu hết đã có người dân sở tại sinh sống và chiếm giữ.

### 4. Các nghề thủ công truyền thống

Từ lâu đời, đồng bào Thái đã phát triển nhiều ngành nghề thủ công như dệt, đan lát, rèn, mộc... Trong nghề dệt, người Thái sớm biết trồng bông và nuôi tằm tạo ra nguyên liệu dệt, trồng chàm để làm chất tạo màu. Bên cạnh đó, nghề đan lát cũng mang tính chất gia đình của người Thái khi kinh tế thị trường chưa phát triển. Bởi trước đây, hầu hết mọi phương tiện vận chuyển, đồ dùng hàng ngày... đều là sản phẩm đan lát xuất hiện qua bàn tay khéo léo của các chị em. Nghề rèn và nghề mộc ở người Thái tuy không phát triển mạnh nhưng cũng là những nghề truyền thống phục vụ cuộc sống tự cung tự cấp của người dân. Các lò rèn thường hoạt động vào khoảng thời gian trước khi bước vào mùa vụ làm ruộng và nương rẫy để rèn và sửa các loại nông cụ như dao, cào, cuốc... Ở người Thái cũng có những nghệ nhân mộc đóng nhiều đồ dùng sinh hoạt thiết yếu như bàn ghế, khung cửi, làm nhà cửa...

Tại nơi TĐC, hầu như các nghề thủ công truyền thống đã bị mai một hoặc biến mất. Chẳng hạn như người Thái TĐC ở xã Tân Lập (Mộc Châu) đã không còn trồng bông do giống cây này không thể chịu được khí hậu lạnh nơi đây. Ở các bản TĐC khác, dù khí hậu vẫn phù hợp với cây bông nhưng do diện tích đất hạn chế, người dân đã ưu tiên trồng các loại cây lương thực, thực

phẩm để phục vụ nhu cầu cuộc sống. Việc không còn trông trông bông đồng nghĩa với nghề dệt theo đó cũng biến mất. Với nghề đan lát, trước đây do sinh sống gần rừng hoặc ven sông suối nên người Thái có nguồn nguyên liệu đan lát khá phong phú gồm mây, tre, song... Tuy nhiên, khi di chuyển tới nơi ở mới cao hơn và cách xa sông suối, nguồn nguyên liệu này đã không còn, dẫn tới nghề đan lát cũng dần mai một.

Bên cạnh đó, người dân khi TĐC còn được Nhà nước đền bù bằng cách đầu tư xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi giúp họ dần tiếp cận với kinh tế thị trường. Vì vậy, việc giao lưu trao đổi hàng hóa đã trở nên phổ biến. Những công cụ, vật dụng mà trước đây người Thái phải vất vả chế tác, sản xuất thì nay có thể mua bán một cách dễ dàng với giá cả phải chăng. Đây là một trong những nguyên nhân chính khiến nhiều ngành nghề thủ công truyền thống của người dân gần như biến mất tại nơi TĐC.

### **Kết luận**

Trong quá trình TĐC, người Thái đã được Đảng và Nhà nước tạo nhiều điều kiện để ổn định cuộc sống qua các chính sách đền bù tiền, xây dựng nhà ở và cơ sở hạ tầng nơi TĐC, hỗ trợ lương thực thực phẩm, giống cây trồng... Tuy nhiên, thực tế đã chỉ ra rằng, cuộc sống của người dân TĐC chưa được ổn định và bền vững. Điều này có thể lý giải do đồng bào chưa bắt kịp những sự thay đổi đột ngột về điều kiện tự nhiên, phương thức canh tác... khi mới TĐC được một thời gian ngắn và đa số người dân TĐC khi được khảo sát đều có chung cảm nhận rằng cuộc sống mưu sinh của họ vất vả hơn nhiều so với nơi ở cũ trước đây.

Với mong muốn được góp phần vào công cuộc ổn định sinh kế của người Thái tái định cư, tác giả bài viết này dự định sẽ sớm quay lại điều tra tại địa bàn nghiên cứu. Dựa trên cơ sở so sánh, đánh giá trong khoảng thời gian đủ dài về những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực mà các chính sách của dự án TĐC tác động tới sinh kế của người dân có thể đưa ra những giải pháp, kiến nghị phù hợp với thực tiễn, nhằm giúp người dân ổn định cuộc sống để từ đó hướng tới mục tiêu “giúp người dân có cuộc sống tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ” của dự án.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Quang Hoan (Chủ biên) (2013), *Văn hóa các tộc người vùng lòng hồ và vùng tái định cư thủy điện Sơn La*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phạm Quang Linh (2007), *Đánh giá ảnh hưởng xã hội của công trình thủy điện Sơn La đối với người dân tái định cư xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La*, Khóa luận tốt nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Phạm Quang Linh (2010), *Tri thức địa phương trong việc sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên của người Thái tái định cư ở huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La*, Luận văn thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), *Cộng đồng các tộc người ngữ hệ Thái - Kadai ở Việt Nam, truyền thống hội nhập và phát triển*, Kỷ yếu Hội nghị Thái học toàn quốc lần thứ VI, Nxb Thế giới, Hà Nội.

